

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi một số điều của Quy chế kiểm tra và xử lý  
văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hoà Bình ban hành  
kèm theo Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 19/10/2017  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1380/TTr-STP, ngày 23/8/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi một số điều của Quy chế kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hoà Bình ban hành kèm theo Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình.

1. Sửa đổi điểm a, khoản 3 Điều 1 như sau:

“3. Văn bản được xử lý gồm:

a) Văn bản trái pháp luật gồm văn bản ban hành không đúng thẩm quyền; văn bản có nội dung trái với Hiến pháp, trái với văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn; văn bản quy định thời điểm có hiệu lực trái với quy định tại khoản 1 Điều 151 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 48 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020*); văn bản vi phạm quy định của pháp luật về đánh giá tác động của chính sách, lấy ý kiến, thẩm định, thẩm tra dự thảo.”.

2. Sửa đổi khoản 2 Điều 3 như sau:

“2. Hồ sơ kiểm tra văn bản bao gồm:

- Văn bản có nội dung trái pháp luật;
- Phiếu kiểm tra văn bản theo Mẫu số 01 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;
- Kết luận kiểm tra văn bản, kết quả xử lý văn bản;
- Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Cơ quan, người có trách nhiệm tự kiểm tra văn bản; cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản phải hoàn chỉnh “hồ sơ kiểm tra văn bản” sau khi kết thúc quá trình kiểm tra, xử lý văn bản. Hồ sơ được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.”

3. Sửa đổi khoản 5 Điều 13 như sau:

“5. Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp xem xét, kết luận về nội dung trái pháp luật của văn bản gửi cơ quan đã ban hành văn bản đó để tiến hành tự kiểm tra, xử lý. Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp có thể kiến nghị về tính minh bạch, khả thi, hiệu quả của văn bản.

Nội dung của Kết luận kiểm tra văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 129 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ.”

4. Bãi bỏ Điều 18 quy định về chế độ báo cáo.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04/10/2021.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP/UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Tin học và Công báo;
- Lưu: VT, NVK (BTh, 120b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Bùi Văn Khánh**